

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2023/DS-ST**

Ngày: 13 - 3 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện V.

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Toà nhà Thaiholdings Tower, số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thúy V – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện V chi nhánh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1964 (có mặt)

Bà Huỳnh Thị Thanh L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng HKTT: Số 23, đường T, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Nhà không số, đường T, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện V và tại phiên tòa bà Đoàn Thúy Vân là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 15/10/2019, ông Nguyễn Anh T và bà Huỳnh Thị Thanh L có đến Ngân hàng TMCP Bưu Điện V chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là Ngân hàng) đề nghị vay vốn và được Ngân hàng chấp thuận cho vay chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay số HDTD930201900450 ngày 17/10/2019 thì ông T, bà L vay số tiền 300.000.000đồng. Mục đích vay là tiêu dùng. Lãi suất cho vay 11.75%/năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Hình thức thanh toán: Trả gốc và lãi hàng tháng.

Tính đến ngày 13/03/2023 thì số tiền gốc ông T, bà L đã trả là 90.000.012đồng, số tiền lãi là 104.391.251đồng. Còn nợ lại gốc là: 209.999.988đồng, lãi trong hạn là 10.164.470đồng, lãi quá hạn là 596.826đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số HDTD930202100348 ngày 01/7/2021 thì ông T, bà L vay số tiền 500.000.000đồng. Mục đích vay là thi công xây dựng công trình. Lãi suất cho vay 8.7%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022. Hình thức thanh toán: Trả gốc theo dòng tiền từ hoạt động kinh doanh khách hàng, đối với lãi thì trả hàng tháng.

Tính đến ngày 13/3/2023 thì số tiền gốc ông T, bà L đã trả là 250.631.725đồng, số tiền lãi là 22.319.178đồng. Còn nợ lại gốc là: 249.368.275đồng, lãi trong hạn là 00đồng, lãi quá hạn là 20.877.789đồng.

Tổng số tiền ông T, bà L còn nợ lại Ngân hàng tính đến ngày 13/3/2023 là: 491.007.348đồng. Trong đó nợ gốc là 459.368.263đồng; lãi trong hạn là 10.164.470đồng; lãi quá hạn là 21.474.615đồng.

Để bảo đảm khoản vay thì ông T, bà L có thể chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6819-CM/HĐTC ngày 17/10/2019 phần đất có diện tích 96m² thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 51, tọa lạc phường 9, thành phố Cà Mau đứng tên ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L. Hiện tại khoản vay thứ nhất đã hết hạn, khoản vay thứ hai ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L thanh toán hết khoản nợ. Tuy nhiên, ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.

Nay Ngân hàng TMCP Bưu điện V yêu cầu ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày 13/3/2023 là 491.007.348đồng và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6819 ngày 17/10/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu tài sản phát mãi không đủ thanh toán thì yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc ông T, bà L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi xong khoản nợ.

Tại Bản tự khai đề ngày 23/11/2022, Biên bản ghi ý kiến ngày 23/11/2022 và được bổ sung tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian cho vay, số tiền vốn vay, thế chấp tài sản như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Tính đến ngày 13/3/2023 thì ông và bà L còn nợ lại Ngân hàng số tiền là

491.007.348đồng. Trong đó nợ gốc là 459.368.263đồng; lãi trong hạn là 10.164.470đồng; lãi quá hạn là 21.474.615đồng.

Khi vay để bảo đảm khoản vay thì ông và bà L có thể chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 51 có diện tích 96m² tọa lạc phường 9, thành phố Cà Mau đứng tên Nguyễn Anh T, Huỳnh Thị Thanh L. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì do tình hình vợ chồng ông ly hôn và gặp khó khăn về tài chính nên không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông và bà L thanh toán tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 13/3/2023 là 491.007.348đồng và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ thì ông đồng ý theo toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Hiện ông và bà L đã ly hôn nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 239/2022 ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/12/2022, bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh L trình bày:

Bà và ông T đã ly hôn nhau vào năm 2022. Trong quá trình chung sống khi còn là vợ chồng thì ông bà có vay tiền của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Việt Nam. Quá trình vay, số tiền vay như phía Ngân hàng trình bày là đúng. Khi vay ông bà có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 51 tọa lạc khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau đứng tên ông T và bà. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ vay vốn và lãi tính đến ngày 23/11/2022 với số tiền là 472.371.834đồng và khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán theo yêu cầu Ngân hàng. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, bà chỉ xin gia hạn thêm thời gian để có nguồn tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Huỳnh Thị Thanh L đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà L vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thừa nhận giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện V với ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L có tiến hành ký kết các hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số HDTD 930201900450 ngày 17/10/2019 với số tiền vay 300.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số HDTD 930202100348 ngày 01/7/2021 với số tiền vay 500.000.000 đồng. Xét thấy các Hợp đồng trên được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo các hợp đồng là có cơ sở.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Việc bị đơn có vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên và còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 13/3/2023 là 491.007.348 đồng, trong đó nợ khoản vay thứ nhất là 220.761.284 đồng (nợ gốc 209.999.988 đồng, lãi trong hạn 10.164.470 đ, lãi quá hạn 596.826 đồng); nợ khoản vay thứ hai là 270.246.064 đồng (nợ gốc 249.368.275 đồng, lãi trong hạn 0 đ, lãi quá hạn 20.877.789 đồng) là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T, bà L có ý kiến cũng thống nhất đồng ý với toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên, bà L có ý kiến xin gia hạn để có thời gian tìm nguồn tiền thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay còn nợ tính đến ngày 13/3/2023 là 491.007.348 đồng.

[3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trên cơ sở Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6819/CM/HĐTC ngày 17/10/2019 được ký giữa ông T, bà L với Ngân hàng TMCP Bưu Điện V thể hiện ông T, bà L dùng tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 657562 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 25/4/2013 đứng tên ông T, bà L thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông T, bà L đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp trong khoảng thời gian từ ngày 17/10/2019 đến ngày 17/10/2024.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp được ký kết đúng thẩm quyền, đúng quy định về hình thức và thủ tục theo quy định tại các Điều 292, 295 Bộ luật Dân sự. Sau khi ký kết các hợp đồng thế chấp, ông T, bà L và Ngân hàng TMCP Bưu Điện V đã đăng ký thế chấp và được Cơ quan có thẩm quyền đăng ký chứng nhận ngày 21/10/2019 theo đúng quy định Điều 298 Bộ luật Dân sự và tại Điều 12 Nghị định

số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bởi Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 và Điều 61 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 nên các hợp đồng thế chấp có giá trị thực hiện.

Do đó, trường hợp ông T, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng trên thì phía Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với căn nhà cất trên phần đất thế chấp, bị đơn là ông T thừa nhận căn nhà đã cất trước khi thế chấp và hiện trạng căn nhà không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Xét thấy tại Hợp đồng thế chấp có thỏa thuận “2.1.2 Các tài sản, quyền và lợi ích sau (nếu có) cũng thuộc TSTC:

a) Các tài sản gắn liền với TSTC do Bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp.”

Đồng thời ông T cũng đồng ý cho phát mãi tài sản trên đất (là căn nhà cấp 4) để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định, bà L không có ý kiến gì đối với yêu cầu phát mãi của Ngân hàng nên phần tài sản này cũng thuộc tài sản thế chấp.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trường hợp sau khi phát mãi các tài sản đảm bảo nợ vay mà vẫn không đủ trả toàn bộ nợ thì yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc ông T, bà L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi xong khoản nợ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Bưu Điện V đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 400.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định tự nguyện thanh toán, không yêu cầu bị đơn hoàn lại các chi phí trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L phải nộp theo quy định. Ngân hàng TMCP Bưu Điện V không phải nộp, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 295, 296, 298, 299, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện V tính đến ngày 13/3/2023 với tổng số tiền là 491.007.347 đồng (*Bốn trăm chín mươi một triệu không trăm không bảy nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo là ngày 14/03/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng TMCP Bưu Điện V phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Anh T và bà Huỳnh Thị Thanh L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 657562 thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 51, diện tích 96m² đất ở đô thị tọa lạc phường 9, thành phố Cà Mau do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 25/4/2013 đứng tên ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L khi ông T và bà L thanh toán xong các nghĩa vụ được bảo đảm bằng các tài sản này.

Trường hợp ông Nguyễn Anh T và bà Huỳnh Thị Thanh L không tự nguyện thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông Nguyễn Anh T và bà Huỳnh Thị Thanh L phải giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6819/CM/HĐTC ngày 17/10/2019 để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện V.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Anh T, bà Huỳnh Thị Thanh L phải chịu 23.640.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng TMCP Bưu Điện V không phải chịu án phí. Ngày 02/11/2022, Ngân hàng TMCP Bưu Điện V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 11.374.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0002389) được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn là ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu